

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-PT

Ngày 04-01-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiên Thành - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Kiên C, sinh năm 1944. Nơi cư trú: Số nhà 06/20, ngách 20, ngõ 39, đường Phạm T, tổ 14 (nay là tổ 10), phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Ông Vũ Ngọc Trinh - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số 06, đường Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Vũ Tiến K, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Số nhà 04/20, ngách 20, ngõ 39, đường Phạm T, tổ 14 (nay là tổ 10), phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Ông K có mặt, bà H vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà H: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số nhà 78, đường Lê Đại Hành, tổ 15 (nay là tổ 06), phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia Dũng – Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình Thân – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Thái Bình (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Kiên C

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn ông Đặng Kiên C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ông C khởi kiện yêu cầu ông Vũ Tiến K, bà Nguyễn Thị H là hộ liên kê trả lại diện tích đất giáp ranh 12,6m² là diện tích đất khi xây nhà trước đây ông để lại làm cầu thang ngoài nhưng gia đình ông K, bà H sử dụng, đến năm 2005 UBND thành phố Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K, bà H cả diện tích đất này của ông.

Về nguồn gốc đất: Trước đây ông và bà Nguyễn Thị H cùng cơ quan công tác tại Ủy ban khoa học tỉnh Thái Bình và cùng được cấp đất làm nhà. Theo giấy phép làm nhà số 93/HC/GPLN ngày 20/12/1980 của UBND thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) cấp phép cho ông Đặng Kiên C làm nhà ở tại đất công, chiều dài 11m, rộng 08m, diện tích là 88m² ở khu Quang Trung, Đông giáp Công ty Giống, Tây giáp Hàm quân sự, Nam giáp ngõ 02m cách tường nhà Ủy ban khoa học, Bắc giáp bà H). Theo giấy phép làm nhà số 531/HC/GPLN ngày 20/9/1979 của UBND thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) cấp phép cho bà Nguyễn Thị H làm nhà ở tại đất công có chiều dài 11m, rộng 08m, diện tích là 88m² ở khu Quang Trung (Đông giáp Công ty Giống, Tây giáp Hàm quân sự, Nam giáp ông C, Bắc giáp ông Hoan, bà Tám). Như vậy ông và bà H cùng được UBND thị xã Thái Bình cấp đất liền nhau và cùng diện tích 88m² để làm nhà. Năm 1980 ông C xây nhà do diện tích ngõ giáp Ủy ban khoa học rộng 02 mét là ngõ cụt nên ông đã làm nhà sang phần đất ngõ đó và để lại phần đất giáp nhà bà H 1,2m ý định sau này làm cầu thang ngoài lên tầng 2. Phần đất ngõ giáp tường Ủy ban khoa học theo biên bản cuộc họp thông báo quá trình giải quyết đơn ngày 16/11/2014, ông Nguyễn Minh Tuấn, Bí thư Chi bộ 14 đã có ý kiến “ Ngõ 2m giáp đất ông C là đường lên hầm Quân sự đề nghị giữ nguyên hiện trạng không xử lý cho gia đình nào”, ông Tuấn xác nhận có ngõ đi rộng 02m giáp Sở khoa học và công nghệ Thái

Bình. Về diện tích đất nhà ông K, bà H, tại văn bản số 137/CV-TNMT ngày 31/7/2014 của Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Bình trả lời và đơn có nội dung: “ Như vậy so với Giấy phép làm nhà số 531HC/GDLH ngày 20/9/1979 hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà H tăng 26m², trong đó 12,6m² đã được xử lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn 13,4m² gia đình bà H chưa đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa được xem xét giải quyết”. Về đất gia đình ông, cũng tại công văn số 137/CV-TNMT ngày 31/7/2014 của Phòng tài nguyên môi trường thành phố Thái Bình, ông Phạm Văn Phương trả lời “ Phần diện tích đất giáp tường Sở Khoa học và công nghệ Thái Bình ông C đã sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp, hàng năm nộp thuế đầy đủ, để được quyền sử dụng đất hợp pháp đề nghị gia đình ông hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định để được xem xét giải quyết”. Qua đó, Phòng tài nguyên môi trường thành phố khẳng định có ngõ 02m giáp tường Sở Khoa học và Công nghệ Thái Bình. Như vậy, diện tích đất của ông K bà H tăng thêm 26m², trong đó phần diện tích 12,6m² đã được xử lý theo quyết định số 335/QĐ-UB ngày 10/7/1987 của UBND tỉnh Thái Bình, nhưng không xác định được kích thước, diện tích, vị trí đất dư ở chỗ nào trong khi bà H và ông đều chỉ được cấp 88m² đất. Trong thời gian bà H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C đi thành phố Hồ Chí Minh cưới vợ cho con khoảng 2-3 tháng, khi về gia đình bà H đã được cấp sổ đỏ, không có chữ ký giáp ranh của ông. Từ khi có tranh chấp (năm 2010) đến nay nhiều lần ông đề nghị cung cấp hồ sơ gốc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/11/2005 cho nhà bà H nhưng không được cung cấp. Ông C cho rằng việc cấp sổ đỏ cho hộ bà H thực hiện không minh bạch, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00859-QT/TP-917/QĐ-UB ngày 14/11/2005 của UBND Thành phố Thái Bình hộ ông K, bà H được cấp diện tích đất là 100,6m² đã lấn sang đất ông C chiều ngang là 1,5mét, chiều dài 11mét vì theo đo đạc hiện trạng đất phía Tây giáp hầm quân sự của ông C chỉ còn 8,9 m, thiếu 1,1m, nhưng ông C không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông K, bà H. Nay ông C yêu cầu gia đình ông K, bà H phải trả cho ông 12,6m² đất ở giáp ranh (rộng 1,5m x dài 11m) và 8m² đất ngõ chung của 05 hộ gia đình (rộng 1m x dài 8m, phía Bắc giáp đất nhà bà Tám, Nam giáp nhà ông C). Ngày 17/3/2020, ông C đã có đơn xin rút yêu cầu đòi 8m² đất ngõ đi của 05 hộ, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lại 12,6m² đất ở giáp ranh (rộng 1,5m, dài 11m). Đến ngày 28/4/2020 và tại phiên tòa ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả lại 12,6m² đất ở và 08m² đất ngõ chung.

- Bị đơn ông Vũ Tiến K, bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ngày 20/9/1979 gia đình ông bà được UBND thị xã Thái Bình cấp cho 01 lô đất 88m² để làm nhà ở, sau đó ngày 20/12/1980 ông C cũng được cấp 01 lô đất 88m² liền kề. Bức tường làm ranh giới hai nhà có từ trước khi 02 gia đình làm nhà, đây là tường bếp của nhà tắm thuộc Sở nông nghiệp sau này Ủy ban khoa học tiếp nhận đã phá nhà còn lại bức tường dậu làm ranh giới giữa hai nhà với đất ông C nay vẫn còn. Phần đất dôi dư 12,6m², khi đo đạc năm 1993 có thông báo gia đình đã nộp tiền cho nhà nước để xử lý theo Quyết định 335 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Quá trình sử dụng đất từ năm 1979 giữa 02 gia đình không có tranh chấp với nhau, đến năm 2010 ông C mới khiếu kiện, tranh chấp đất đã được Ủy ban nhân dân các cấp trả lời nhưng ông C vẫn khởi kiện ra Tòa. Do vậy bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn với 02 lý do sau:

+ Bị đơn không lấn chiếm đất nhà ông C, không lấn chiếm đất ngõ công, hiện nay diện tích đất ông C đang sử dụng còn dư 28m² so với 88m² đất được cấp năm 1980. Đến nay đất ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Diện tích đất 100,6m² của gia đình ông tại thửa đất 85, tờ bản đồ số 8, tổ 14A, phường Quang Trung (nay là tổ 10, phường T), thành phố Thái Bình đã được UBND thành phố Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 841637, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00859/QT-TP/917/QĐ-UB ngày 14/11/2005 đứng tên hộ ông Vũ Tiến K, bà Nguyễn Thị H, trong đó có 12,6m² đất đã xử lý theo Quyết định 335, gia đình đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho nhà nước và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo hiện trạng quyền sử dụng đất của gia đình ông K bà H của Hội đồng thẩm định do Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thành lập thì ông bà đang sử dụng đúng 100,6m² như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về yêu cầu của ông C đối với diện tích đất ngõ đi, đây là đất ngõ công có từ trước sau khi được giao đất các hộ làm nhà tôn trọng mốc ngõ đi và sử dụng ổn định, bị đơn không lấn chiếm đất ngõ công. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về đòi 12,6m² đất giáp ranh và 08m² ngõ đi của nguyên đơn.

Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 217; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166, Điều 175 Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 8; Điều 10, Điều 98, Điều 100, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Kiên C về yêu cầu bị đơn trả lại 08m² (rộng 11m, dài 8m) đất ngõ công.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Kiên C về việc hộ ông Vũ Tiến K, bà Nguyễn Thị H lấn chiếm diện tích đất 12,6m² (chiều rộng 1,5 mét, dài 11 mét).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Kiên C phải nộp số tiền 2.729.000 đồng (đã nộp chi phí xong).

Ngoài ra, bản án còn tuyên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2020, ông Đặng Kiên C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Kiên C rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bị đơn trả lại 08m² (rộng 11m, dài 8m) đất ngõ công. Ông C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C trình bày việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông buộc hộ ông Vũ Tiến K, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm 12,6m² là không có căn cứ và không đúng pháp luật bởi lẽ trong giấy phép làm nhà số 93/HC/GPLN ngày 20/12/1980 của UBND thị xã Thái Bình cấp cho ông, công văn số 137/CV-TNMT ngày 31/7/2014 của Phòng tài nguyên môi trường thành phố Thái Bình và tại biên bản hòa giải ngày 29/01/2015 đều thể hiện phía Nam giáp nhà ông có ngõ đi 2 m, ông đã sử dụng phần ngõ đi này để xây nhà nên diện tích của ông còn thiếu so với diện tích đã được cấp là 12,6m² về phía giáp nhà ông K bà H. Việc ông K bà H được hợp thức hóa phần diện tích 12,6m² mà ông K trình bày là phần dôi dư là không đúng và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông K không đúng trình tự thủ tục vì thời điểm đó ông không có mặt ở nhà nên ông không ký giáp ranh, ông yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận bản gốc nhưng không được đáp ứng. Vì vậy ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án được khách quan, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông K và người được ủy quyền là anh C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các tài liệu chứng cứ đã giao

nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác đơn kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm : Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm , Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng ; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm , Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả lại 08m² (rộng 11m, dài 8m) đất ngõ công và không chấp nhận phần kháng cáo còn lại của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Đặng Kiên C làm trong thời hạn luật định, ông C là người có công với cách mạng nên thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm do đó kháng cáo của ông C được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Kiên C:

[2.1] Đối với yêu cầu của ông C về 08m² đất ngõ đi mà ông C cho rằng khi gia đình ông K, bà H xây nhà lấn đất ngõ đi chung của các hộ gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Kiên C rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu này do vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 298; khoản 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo trên của nguyên đơn

[2.2] Đối với yêu cầu của ông C về việc yêu cầu ông K, bà H trả lại 12,6 m² đất giáp ranh:

[2.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông C: Theo giấy phép làm nhà số 93/HC/GPLN ngày 20/12/1980 của UBND thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) cấp phép cho ông Đặng Kiên C làm nhà ở tại đất công, chiều dài 11m, rộng 08m, diện tích là 88m² ở khu Quang Trung (Đông giáp Công ty Giống, Tây giáp Hàm quân sự, Nam giáp ngõ 02 m cách tường nhà Ủy ban khoa học, Bắc giáp bà H. Năm 1983 Nhà nước đo lại đất, tại bản đồ 299 đất của ông C thuộc thửa

số 192, tờ bản đồ F II, khu vực tổ 14A, Quang Trung có diện tích 100m² không thể hiện ngõ đi ở phía Nam; bản đồ 241 năm 1996 đất thuộc thửa số 86, tờ bản đồ 8 có diện tích 116,1m² không thể hiện ngõ đi ở phía Nam; Bản đồ Vlap đo năm 2013 đất của ông C thuộc thửa số 138, tờ bản đồ số 34 có diện tích 118,1m² không thể hiện ngõ đi ở phía Nam. Theo kết quả của Hội đồng thẩm định do Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thành lập thì hộ ông C đang sử dụng là 113,6m² tăng 13,6 m² so với bản đồ 299 và 25,6 m² so với giấy phép làm nhà năm 1980. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã yêu cầu nguyên đơn giải thích và làm rõ việc tăng lên về diện tích đất của gia đình nhưng nguyên đơn không cung cấp, chứng minh được. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông K, bà H thì thửa đất gia đình hộ ông K, bà H đang sử dụng có diện tích 100,6m² tại thửa số 85, tờ bản đồ số 8, tổ 14A, phường Quang Trung (nay là tổ 10, phường T) thành phố Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 841637, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00859/QT-TP/917/QĐ-UB do UBND thành phố Thái Bình cấp ngày 14/11/2005. Theo giấy phép làm nhà số 531/HC/GDLH ngày 20/9/1979 của UBND thị xã Thái Bình cấp phép cho bà Nguyễn Thị H để làm nhà ở tại đất công chiều dài 11m, rộng 08m, diện tích là 88m² ở khu Quang Trung (Đông giáp ngõ đi cạnh Công ty Giống, Tây giáp Hầm quân sự, Nam giáp ông C, Bắc giáp ông Hoan, bà Tám. Năm 1983 Nhà nước đo lại đất, tại bản đồ 299 đất của gia đình bà H thuộc thửa số 192, tờ bản đồ F II, khu vực tổ 14A, Quang Trung có diện tích 110m². Bản đồ 241 năm 1996 đất thuộc thửa số 85 tờ bản đồ 8 có diện tích 116,3m², bản đồ Vlap đo năm 2013 đất gia đình bà H thuộc thửa số 137, tờ bản đồ số 34 có diện tích 111,1m², đến năm 2005 hộ bà H, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 100,6m² và theo kết quả đo hiện trạng quyền sử dụng đất của gia đình ông K bà H của Hội đồng thẩm định do Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thành lập thì ông bà đang sử dụng đúng 100,6m² như đã được cấp. Lý do của việc diện tích đất 12,6m² tăng thêm là do ông bà thực hiện công văn số 16 ngày 20/12/1993 của Ủy ban nhân dân phường Quang Trung cho phép hộ gia đình ông hợp thức hóa diện tích dôi dư theo theo Quyết định số 335 ngày 10/7/1987 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, ông bà đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước vào ngày 31/3/1994.

Như vậy, kết quả đo đạc thực tế thì thấy thửa đất của ông C đang sử dụng có diện tích 113,6m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất của của hộ ông K và bà H đang sử dụng có diện tích 100,6m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005. Cả 02 thửa đất của ông C và hộ ông K, bà H

đều tăng so với giấy phép làm nhà (88m²) chứ không có sự thiếu hụt về diện tích đất. Đối với diện tích của hộ ông K bà H tăng lên kết quả xác minh và các chứng cứ tài liệu thể hiện diện tích trên đã được hợp thức hóa theo Quyết định 335 từ năm 1993 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005. Do đó hộ ông K bà H được quyền sử dụng có diện tích 100,6m² là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2.2] Về căn cứ xác định mốc giới: Cả ông C và ông K đều thừa nhận bức tường dậu hiện tại ngăn cách giữa hai nhà đã có từ trước khi cả hai gia đình được giao đất xây nhà và theo kết quả thẩm định thì hiện nay bức tường đó vẫn còn. Theo ông K khai bức tường đó là bức tường của nhà tầm có trước khi các hộ được giao đất, sau khi nhận đất thì hai hộ căn cứ vào bức tường đó làm ranh giới giữa hai nhà và hiện nay vẫn còn, các bên sử dụng ổn định từ 1979 cho đến năm 2010 không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông C đều thừa nhận bức tường có từ trước khi hai hộ nhận đất xây nhà và hiện nay vẫn còn và là mốc giới giữa hai bên, ông không biết bức tường đó do ai xây, nhưng ông trình bày khi làm nhà có để lại phần đất có chiều rộng 1,2m, chiều dài 11m cách bức tường đã xây 1,2 mét lùi sang phía đất nhà bà H để làm cầu thang, nhưng không xây tường bao, không có mốc giới. Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[2.3] Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Kiên C về việc buộc ông K, bà H trả lại 12,6 m² đất ở là không có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tại phiên tòa xét xử phúc thẩm là phù hợp và đúng pháp luật.

[3] Về án phí : Yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Kiên C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và 2.729.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Do ông C là người có công với cách mạng nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm f Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Kiên C về yêu cầu ông Vũ Tiến K và bà Nguyễn Thị H trả lại 08m² (rộng 11m, dài 8m) đất ngõ công.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo còn lại của ông Đặng Kiên C về việc hộ ông Vũ Tiến K, bà Nguyễn Thị H lấn chiếm diện tích đất 12,6m². Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Kiên C về yêu cầu bị đơn trả lại 08m² (rộng 11m, dài 8m) đất ngõ công.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Kiên C về việc hộ ông Vũ Tiến K, bà Nguyễn Thị H lấn chiếm diện tích đất 12,6m² (chiều rộng 1,5 mét, dài 11 mét).

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Kiên C phải nộp số tiền 2.729.000 đồng (đã nộp chi phí xong).

2.4. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Kiên C.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Kiên C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 04/01/2021.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân TP Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Bình;
- UBND phường T, TP Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Luân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán

Thẩm phán

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hà

Lương Hải Yến

Vũ Duy Luân